

Số 102 -TB/HVCTQG

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

**kết quả họp Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích
đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2024**

Căn cứ Hướng dẫn số 05-HD/HVCTQG ngày 03/01/2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Học viện theo thành tích năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 469-QĐ/HVCTQG ngày 13/02/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (cán bộ) năm 2024;

Ngày 20/02/2025, Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn của Học viện đã tiến hành họp xét nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích năm 2024 đối với 124 cán bộ có đề nghị xét của các đơn vị trực thuộc Học viện.

Kết quả xét như sau:

1. Tại Trung tâm Học viện:

- Nhất trí thông qua 73 cán bộ tại Trung tâm Học viện đủ điều kiện được nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích năm 2024 (Danh sách số 1 kèm theo).

- Không thông qua 35 cán bộ tại Trung tâm Học viện có đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích năm 2024 (Danh sách số 2 kèm theo).

- Không xét đối với 04 cán bộ không đủ điều kiện, do chưa đủ thời gian giữ bậc lương hiện hưởng theo quy định (Danh sách số 3 kèm theo).

2. Các Học viện trực thuộc:

Nhất trí thông qua 12 cán bộ giữ ngạch lương cao cấp của các Học viện trực thuộc có đủ điều kiện được nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích năm 2024 (Danh sách số 4 kèm theo).

Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn theo thành tích năm 2024 của Học viện xin thông báo để các đơn vị và cá nhân biết.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Học viện (để đăng tin),
- Lưu: VT, TCCB.

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Duy Bắc
Chủ tịch Hội đồng

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2024

Danh sách 01

KẾT QUẢ ĐƯỢC NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN THEO THÀNH TÍCH NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số 102-HĐ/HVCTQG ngày 26 tháng 02 năm 2025)

		Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị	Lương đang hưởng					Ghi chú
TT	TT				Ngạch lương/ chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số	Thời gian hưởng lương	Thời gian để tính nâng lương lần sau	
Vụ Tổ chức cán bộ: 27										
1	1	Ngô Ngân Hà	01/4/1982	Phó Vụ trưởng	CVC	01002	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
2	2	Lê Thị Minh Trâm	04/5/1987	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/9/2022	01/9/2022	
3	3	Lê Thị Thu Huyền	12/9/1978	Chuyên viên chính	CVC	01002	5,42	01/02/2025	01/02/2025	
4	4	Nguyễn Đức Hải	18/12/1977	Phó Chánh Văn phòng Đề án 587	CVC	01002	4,74	01/9/2022	01/9/2022	
Ban Công tác Đảng - Đoàn thể: 13										
5	1	Nguyễn Tiến Đồng	01/02/1973	Phó Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy Học viện, Phó Bí thư chi bộ	CVC	01002	5,08	01/7/2022	01/7/2022	

6	2	Vũ Văn Anh	02/12/1986	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/6/2022	01/6/2022	
---	---	------------	------------	-------------	----	-------	------	-----------	-----------	--

Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng: 35

7	1	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/10/1982	Chuyên viên chính	CVC	01002	4,74	01/3/2022	01/3/2022	
8	2	Nguyễn Trọng Phán	13/02/1982	Chuyên viên chính	CVC	01002	5,08	01/6/2022	01/6/2022	
9	3	Mai Thu Giang	13/10/1972	Chuyên viên chính	CVC	01002	5,08	01/10/2022	01/10/2022	
10	4	Văn Thị Xuân	21/3/1985	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/6/2022	01/6/2022	

Vụ Hợp tác quốc tế: 19

11	1	Cao Văn Tăng	14/03/1992	Phó Chánh Văn phòng Đề án 621,	CV	01003	3,33	01/02/2025	01/02/2025	
----	---	--------------	------------	--------------------------------	----	-------	------	------------	------------	--

Vụ Quản lý khoa học: 23

12	1	Trần Thị Thu Hiền	24/11/1969	Phó Vụ trưởng	CVC	01002	5,42	01/04/2022	01/04/2022	
13	2	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	25/11/1972	Chuyên viên chính	CVC	01002	5,08	01/02/2022	01/02/2022	

Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng chuyên ngành: 13

14	1	Nguyễn Ngọc Phương	07/8/1975	Chuyên viên	CV	01003	4,32	01/02/2025	01/02/2025	
----	---	--------------------	-----------	-------------	----	-------	------	------------	------------	--

Văn phòng Học viện: 121

15	1	Hoàng Ngọc Hải	05/4/1973	Phó Chánh VPHV	GVC	V.07.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	
16	2	Đỗ Thị Hương	22/02/1981	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	CVC	01.002	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
17	3	Đinh Hoàng Anh	09/5/1988	Phòng Hành chính - Tổng hợp	NVBV	Bảng 4.3	2,4	01/02/2025	01/02/2025	

18	4	Nguyễn Minh Hậu	27/9/1979	Phòng Tài chính - Kế toán	NVKT	Bảng 4.2	2,37	15/9/2023	15/9/2023	
19	5	Nguyễn Thị Ly	20/3/1984	Phòng Quản trị	CV	01.003	3,00	01/03/2022	01/03/2022	
20	6	Nguyễn Văn Luận	01/06/1974	Phòng Quản lý xe	Lái xe cơ quan	01.010	2,95	01/10/2023	01/10/2023	
21	7	Nguyễn Anh Tuấn	20/02/1966	Phòng Bảo vệ	CVC	01.002	6,10	01/12/2022	01/12/2022	
22	8	Nguyễn Văn Giang	27/02/1993	Trung tâm Quản lý DVC	CV	01003	3,00	01/6/2022	01/6/2022	
23	9	Lương Xuân Hưng	20/3/1981	Giám đốc TTYT	CV	01.003	3,66	01/12/2022	01/12/2022	
24	10	Đỗ Thị T oan	26/9/1982	Trung tâm Quản lý DVC	NVKT	Bảng 4.2	2,91	01/01/2025	01/01/2025	
25	11	Phan Thu Hằng	21/3/1984	Phòng Tài chính - Kế toán	CV	01.003	3,66	01/06/2022	01/06/2022	
26	12	Khuất Thị Huyền Trang	18/9/1991	Trung tâm Quản lý DVC	CV	CCA1	3,00	01/04/2022	01/04/2022	
27	13	Đông Chung Tâm	06/9/1979	Phòng Bảo vệ	NVBV	Bảng 4.3	3,30	01/12/2023	01/12/2023	

Văn phòng Đại diện phía Nam: 5

28	1	Lê Quốc Việt	27/7/1988	Lái xe cơ quan	Nhân viên	01005	2,95	11/2023	11/2023	
----	---	--------------	-----------	----------------	-----------	-------	------	---------	---------	--

Vụ Các trường chính trị: 15

29	1	Phạm Thị Kim Dung	01/5/1969	Chuyên viên cao cấp	CVCC	01001	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
30	2	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/01/1978	Vụ trưởng	GVC	V.07.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	

Tập chí Lý luận chính trị: 18

31	1	Lê Minh Phương	1972	Trưởng Phòng Biên tập	BTVC	V.11.01.02	5,08	01/02/2022	01/02/2022	
32	2	Phùng Thị Hải Hậu	1984	CV	CV	01003	3,66	01/06/2022	01/06/2022	
33	3	Nguyễn Thị Thúy Thảo	1990	NCV	NCV	V.05.01.03	3,33	01/12/2022	01/12/2022	

Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số: 16

34	1	Hoàng Thu Giang	1986	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/6/2022	01/6/2022	
35	2	Trần Mỹ Cường	1976	Chuyên viên	CV	01003	4,98	01/01/2025	01/01/2025	

Ban Thanh tra: 12

36	1	Trần Văn Thắng	1977	Chánh Thanh tra	NCVC	05.01.02	5,08	01/12/2022	01/12/2022	
37		Trình Thị Tuyết Mai	1980	CVC, Ban Thanh tra	CVC	CC.A2.1	5,08	01/01/2025	01/01/2025	

Vụ Kế hoạch - Tài chính: 18

38	1	Vũ Thị Âu	06/07/1974	Chuyên viên	CV	01003	3,99	01/12/2022	01/12/2022	
39	2	Nguyễn Duy Vân	12/10/1964	Chuyên viên cao cấp	CVCC	01001	6,92	01/01/2025	01/01/2025	

Viện Kinh tế chính trị học: 21

40	1	Lê Bá Tâm	1970	Phó Viện trưởng	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
41	2	Nguyễn Thị Minh Tân	1969	Chuyên viên cao cấp	CVCC	01001	6,92	01/01/2025	01/01/2025	

Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường: 40

42	1	Nguyễn Thị Miên	28/02/1969	Nghiên cứu viên cao cấp	NCVCC	V.05.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
43	2	Phí Thị Hằng	28/10/1976	giảng viên chính	GVCC	V.07.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	
44	3	Nguyễn Trí Tùng	06/12/1974	giảng viên chính	GVCC	V.07.01.02	4,74	01/9/2022	01/9/2022	
45	4	Trần Thị Tuyết Lan	29/8/1976	giảng viên chính	GVCC	V.07.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	

Viện Thông tin khoa học: 48

46	1	Nguyễn Mai Phương	18/09/1991	Nghiên cứu viên	NCV	V.05.01.03	3,33	01/12/2022	01/12/2022	
47	2	Lê Hải Nam	21/01/1969	Chuyên viên chính	CVC	01.002	5,08	01/09/2022	01/09/2022	
48	3	Hà Đỗ Quyên	21/12/1983	Chuyên viên chính	CVC	01.002	5,08	01/01/2025	01/01/2025	

Viện Hồ Chí Minh và Các lãnh tụ của Đảng: 23

49	1	Lê Trung Kiên	15/11/1983	giảng viên chính	GV C	V.07.01.02	5,08	01/06/2022	01/06/2022	
50	2	Nguyễn Thị Thu Trang	19/09/1990	Giảng viên	GV	V.07.01.03	3,33	01/12/2022	01/12/2022	

Viện Triết học: 18

51	1	Trần Sỹ Dương	20/8/1966	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/02/2022	01/03/2022	
52	2	Hoàng Thị Kim Oanh	19/02/1974	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	

Viện Quyền con người: 17

53	1	Chu Thị Thúy Hằng	1977	Giảng viên chính	GV C	V.07.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	
54	2	Lê Thị Hồng Phúc	1971	Giảng viên chính	CVC	01002	6,10	01/01/2025	01/01/2025	

Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế: 39

55	1	Đào Ngọc Bầu	07/12/1977	Viện trưởng	GV C	V.07.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	
56	2	Trình Thị Xuyên	10/05/1970	Phó Viện trưởng	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/06/2022	01/06/2022	
57	3	Trình Thị Hoa	03/02/1973	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
58	4	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/9/1980	giảng viên chính	GV C	V.07.01.02	5,08	01/01/2025	01/01/2025	

Viện Dân tộc và Tôn giáo: 14

59	1	Nguyễn Khắc Đức	1972	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
----	---	-----------------	------	--------------------	------	------------	------	------------	------------	--

Viện Nhà nước và Pháp luật: 22

60	1	Tăng Thị Thu Trang	13/08/1980	Giảng viên chính	GVCC	V.07.01.02	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
----	---	--------------------	------------	------------------	------	------------	------	------------	------------	--

Viện Lịch sử Đảng: 38

61	1	Trần Thị Nhân	29/03/1974	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
62	2	Trần Tuấn Sơn	24/04/1979	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
63	3	Trần Trọng Thor	03/08/1968	Phó viện trưởng	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/03/2025	01/03/2025	
64	4	Lê Thị Minh Hạnh	14/08/1973	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	

Viện Xây dựng Đảng: 25

65	1	Trình Thanh Tâm	20/10/1972	Phó Viện trưởng	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
66	2	Lê Hoàng Trang	05/09/1986	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/09/2022	01/09/2022	
67	3	Đới Văn Tăng	30/10/1965	Giảng viên chính	GVC	V.07.01.02	5,76	01/07/2022	01/07/2022	

Viện Lãnh đạo học và Hành chính công: 24

68	1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	12/01/1975	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
69	2	Trần Nhật Đạt	21/03/1975	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
70	3	Đặng Đình Giang	10/06/1990	Giảng viên	GV	V.07.01.03	3,33	01/01/2025	01/01/2025	

Nhà xuất bản Lý luận chính trị: 25

71	1	Nguyễn Mậu Tuấn	01/01/1975	Giám đốc, Tổng Biên tập	CVCC	01001	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
72	2	Mai Hoài Anh	02/09/1968	Phó Giám đốc	NCVCC	V.05.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
73	3	Nguyễn Thị Hương Giang	30/04/1976	Trưởng phòng HC-PH	BTVCC	V.11.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	

HỘI ĐỒNG NĂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2024

*

Danh sách số 02

DANH SÁCH KHÔNG ĐƯỢC NĂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN THEO THÀNH TÍCH NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số **102**-HD/HVCTQG ngày **26** tháng **02** năm 2025)

TT	TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị	Lương đang hưởng					Ghi chú
					Ngạch lương/ chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số	Thời gian hưởng lương	Thời gian để tính năng lương lần sau	
Vụ Tổ chức cán bộ: 27										
1	1	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/7/1989	Chuyên viên	CV	01003	3,33	01/02/2025	01/02/2025	
2	2	Lê Thị Thu Trang	24/12/1984	Chuyên viên chính	CVC	01002	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng: 35										
3	1	Nguyễn Anh Dũng	02/12/1969	Chuyên viên chính Vụ	CVC	01002	6,44	01/12/2022	01/12/2022	
Vụ Quản lý khoa học: 23										
4	1	Trương Diệp Hằng	06/10/1971	Chuyên viên cao cấp	CVCC	01001	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
Văn phòng Học viện: 121										
5	1	Phạm Hoàng Long	19/01/1979	Trung tâm Quản lý DVC	CVC	CCA2.1	4,74	01/02/2022	01/02/2022	
6	2	Nguyễn Thị Hằng	13/10/1983	Phòng Hành chính - Tổng hợp	NVKT	Bảng 4.2	2,37	01/02/2023	01/02/2023	
7	3	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/01/1985	Trung tâm Y tế	Y tá chính	16.112	3,66	01/02/2023	01/02/2023	
8	4	Hoàng Thị Phiến	23/12/1977	Phòng Quản trị	CV	01.003	4,65	01/10/2022	01/10/2022	
9	5	Nguyễn Thị Lê Thủy	18/7/1983	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Lưu trữ viên Trung cấp	V01.02.03	3,06	01/09/2023	01/09/2023	
10	6	Bùi Thị Ngọc Hoa	20/5/1985	Trung tâm Quản lý DVC	CV	CCA1	3,00	01/4/2022	01/4/2022	

11	7	Nguyễn Ngọc Tú	27/02/1993	Trung tâm Quản lý DVC	NVKT	Bảng 4.2	2,37	01/02/2023	01/02/2023	
----	---	----------------	------------	-----------------------	------	----------	------	------------	------------	--

Vụ Các trường chính trị: 15

12	1	Tổng Trần Hà	14/01/1977	Chuyên viên cao cấp	CVCC	01001	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
13	2	Trình Thanh Trà	25/10/1973	Chuyên viên chính	CVC	01002	5,42	01/02/2025	01/02/2025	

Ban Thanh tra: 12

14	1	Đào Xuân Thành	1979	CVC, Ban Thanh tra	CVC	CC A2.1	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
----	---	----------------	------	--------------------	-----	---------	------	------------	------------	--

Vụ Kế hoạch - Tài chính: 18

15	1	Nguyễn Xuân Trường	21/10/1972	Vụ trưởng-Vụ KHTC	CVCC	01001	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
16	2	Đỗ Thị Ngọc Hoa	05/02/1976	CVC-Vụ KHTC	CVC	01002	5,42	01/02/2025	01/02/2025	

Viện Kinh tế chính trị học: 21

17	1	Phùng Lê Dung	1985	Nghiên cứu viên chính	NCVC	V.05.01.02	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
----	---	---------------	------	-----------------------	------	------------	------	------------	------------	--

Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường: 40

18	1	Nguyễn Thị Phong Lan	15/5/1977	giảng viên chính	GVC	V.07.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	
----	---	----------------------	-----------	------------------	-----	------------	------	------------	------------	--

Viện Triết học: 18

19	1	Phan Mạnh Toàn	27/7/1975	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
----	---	----------------	-----------	--------------------	------	------------	------	------------	------------	--

Viện Quyền con người: 17

20	1	Phạm Quỳnh Quyền	1976	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/04/2022	01/04/2022	
----	---	------------------	------	-------------	----	-------	------	------------	------------	--

Viện Dân tộc và Tôn giáo: 14

21	1	Bùi Hồng Thanh	1984	Nghiên cứu viên chính	GVC	V.07.01.02	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
----	---	----------------	------	-----------------------	-----	------------	------	------------	------------	--

Viện Lịch sử Đảng: 38

22	1	Lương Viết Sang	22/10/1965	Phó Viện trưởng	NCVCC	V.05.01.01	6,92	01/03/2022	01/03/2022	
23	2	Nguyễn Quang Hoà	23/09/1978	Biên tập viên hạng II	Biên tập viên hạng II	V.11.01.02	5,42	01/02/2025	01/02/2025	
24	3	Nguyễn Danh Lợi	01/09/1965	Phó tổng biên tập Tạp chí Lịch sử Đảng	NCVCC	V.05.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	

25	4	Đoàn Thị Hương	03/01/1971	Phó tổng biên tập Tạp chí Lịch sử Đảng	NCVCC	V.05.01.01	6,92	01/01/2025	01/01/2025	
26	5	Nguyễn Thanh Hải	21/08/1988	Chuyên viên	CV	01003	3,00	01/12/2022	01/12/2022	
27	6	Mai Thị Soa	25/03/1983	Chuyên viên	Chuyên viên	01003	3,66	01/06/2022	01/06/2022	

Viện Xây dựng Đảng: 25

28	1	Trần Thị Kim Dung	10/06/1986	Giảng viên	GV	V.07.01.03	3,66	01/10/2022	01/10/2022	
29	2	Nguyễn Đức Nhuận	12/07/1971	Giảng viên chính	GV	V.07.01.02	5,42	01/09/2022	01/09/2022	

Viện Lãnh đạo học và Hành chính công: 24

30	1	Cao Quốc Hoàng	01/12/1970	GV, Viện LDH và CSC	GV	V.07.01.02	5,42	01/01/2025	01/01/2025	
----	---	----------------	------------	---------------------	----	------------	------	------------	------------	--

Nhà xuất bản Lý luận chính trị: 25

31	1	Nguyễn Hoa Mai	18/12/1982	Nghiên cứu viên	NCV	V.05.01.03	3,66	01/04/2022	01/04/2022	
32	2	Phạm Thị Đào Trâm	24/08/1986	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/06/2022	01/06/2022	
33	3	Lê Ngọc Diệp	10/04/1983	Phó Trưởng phòng Biên tập	BTVC	V.11.01.02	5,08	01/01/2025	01/01/2025	
34	4	Trịnh Thị Bích Ngọc	25/09/1974	Chuyên viên	CV	01002	4,32	01/10/2022	01/10/2022	
35	5	Ứng Thị Bích Liên	20/10/1979	Chuyên viên	CV	01002	4,65	01/04/2022	01/04/2022	

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG NĂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2024

Danh sách số 03

DANH SÁCH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NĂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN THEO THÀNH TÍCH NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số 102-HD/HVCTQG ngày 26 tháng 02 năm 2025)

TT	TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị	Lương đang hưởng					Ghi chú
					Ngạch lương/ chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số	Thời gian hưởng lương	Thời gian để tính năng lương lần sau	
Vụ Quản lý khoa học: 23										
1	1	Đỗ Tất Cường	08/04/1978	Phó Vụ trưởng	GVC	V.07.01.02	4,74	01/09/2023	01/09/2023	ko đủ điều kiện về thời gian giữ bậc lương
2	2	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/7/1986	Chuyên viên	CV	01003	3,66	01/8/2023	01/8/2023	ko đủ điều kiện về thời gian giữ bậc lương
Viện Triết học: 18										
3	1	Trần Văn Phòng	06/02/1961	Giảng viên cao cấp	GVCC	V.07.01.01	8,00	01/05/2022	01/05/2022	ko đủ điều kiện do đã giữ bậc lương cuối cùng trong ngạch
Viện Xây dựng Đảng: 25										
4	1	Phạm Thị Thu Hằng	01/09/1987	Giảng viên	GV	V.07.01.03	3,66	01/10/2022	01/10/2022	Đã nâng lương th theo QĐ 15410 ngày 21/3/2023 thời gian hưởng từ 01/10/2022

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2024

Danh sách số 04

DANH SÁCH ĐƯỢC NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN THEO THÀNH TÍCH ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC CÁC HỌC VIỆN
TRỰC THUỘC NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số ~~102~~ -HD/HVCTQG ngày 26 tháng 02 năm 2025)

TT	TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị	Lương đang hưởng					Ghi chú
					Ngạch lương/ chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số	Thời gian hưởng lương	Thời gian để tính nâng lương lần sau	
Học viện Chính trị khu vực I										
1	1	Nguyễn Vĩnh Thanh	09/09/1972	Giám đốc Học viện	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/06/2022	01/06/2022	
2	2	Phạm Tú Tài	10/7/1970	Phó Trưởng khoa Kinh tế chính trị	GVCC	V.07.01.01	6,56	01/01/2022	01/01/2022	
3	3	Trần Thị Thanh Mai	08/08/1971	Khoa Nhà nước và Pháp luật	GVCC	V.07.01.01	6,56	01/01/2022	01/01/2022	
Học viện Chính trị khu vực II										
4	1	Trương Tấn Vinh		Phó Giám đốc Học viện KV II	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/01/2022	01/01/2022	
Học viện Chính trị khu vực III										
5	1	Đoàn Triều Long	15/03/1972	Giám đốc Học viện	GVCC	V.07.01.01	6,92	01/06/2022	01/06/2022	

6	2	Lê Văn Đình	22/5/1965	Phó Giám đốc Học viện	GVCC	V.07.01.01	7,64	01/05/2022	01/05/2022	
7	3	Trần Thị Minh An	10/10/1970	Trưởng Ban Quản lý khoa học và Hợp tác c	CVCC	01.001	6,56	01/01/2022	01/01/2022	
8	4	Trương Thị Như Yến	29/4/1971	Trưởng Ban Quản lý đào tạo	CVCC	01.001	6,56	01/01/2022	01/01/2022	
9	5	Ngô Văn Minh	01/11/1965	Giảng viên cao cấp Khoa Dân tộc và Tôn gi	GVCC	V.07.01.01	7,64	01/05/2022	01/05/2022	
10	6	Đỗ Văn Nhân	10/02/1960	Giảng viên cao cấp Khoa Kinh tế chính tr	GVCC	V.07.01.01	7,28	01/09/2022	01/09/2022	
Học viện Bảo chi và Tuyên truyền										
11	1	Lê Thị Nhã	01/03/1966	Viện BC - TT	GVCC	V.07.01.01	6,56	01/01/2022	01/01/2022	
12	2	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	25/11/1972	Chuyên viên chính	GVCC	V.07.01.01	6,56	01/01/2022	01/01/2022	